***Mẫu số 09/PLIII***

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……., ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương….. |

…(1)… Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động 6 tháng đầu năm....... (hoặc năm....) như sau:

Loại hình chủ sở hữu(2): □ Doanh nghiệp nhà nước □ Doanh nghiệp tư nhân

□ Doanh nghiệp FDI

**1. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp cho thuê lại**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đầu** **kỳ** | **Tăng** **trong** **kỳ** | **Giảm** **trong** **kỳ** | **Cuối kỳ** | **Số lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc (người) (3)** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| 1. Tổng số lao động theo hợp đồng lao động của doanh nghiệp, trong đó: |  |  |  |  |  |  |
| a) Số lao động làm việc tại doanh nghiệp cho thuê lại(4), chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| b) Số lao động cho thuê lại, chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại dưới 03 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 03 tháng đến dưới 06 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 06 tháng đến 12 tháng |  |  |  |  |  |  |
| 2. Số lao động đang cho thuê lại của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| - Trong địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |
| - Ngoài địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |

**2. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc cho thuê lại**  (5) | **Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động** (6) | | **Số lao động thuê lại (người)** | | **Số lao động theo thời hạn cho thuê lại lao động (người)** | | | **Các chế độ của người lao động thuê lại** | | | **Ghi chú** |
| *Trong địa bàn tỉnh* | *Ngoài địa bàn tỉnh* | *Trong địa bàn tỉnh* | *Ngoài địa bàn tỉnh* | *Dưới 6 tháng* | *Từ 6 - 12 tháng* | *Khác* | *Tiền lương bình quân (đồng/ người/tháng)* | *Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng)* | *Chế độ phúc lợi* |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP** (8) *(Chữ ký, dấu)*  **Họ và tên** |

***Ghi chú:***

(1) Tên doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(2) Đánh dấu X vào ô tương ứng với loại hình chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(3) Số lao động được tham gia bảo hiểm bắt buộc: bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(4) Số lao động cho thuê và các loại lao động khác.